

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18 /2024/HNGĐ-PT

Ngày 20 - 6 - 2024

V/v “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Hà.

Bà Nguyễn Thị My My.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:** Ông Nguyễn Chí Hiếu
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2024/TLPT-HNGĐ ngày 16/5/2024 về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 06/2024/HNGĐ-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2024/QĐ-PT, ngày 30/5/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị T; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Lê Khắc S; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

3. **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Lê Khắc S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:

Ngày 31/12/2003, bà Ngô Thị T và ông Lê Khắc S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E. Chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 7/2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, thiếu tôn trọng nhau. Do đó, khoảng tháng 02/2023 bà T đã làm đơn xin ly hôn với ông S tại Tòa án. Quá trình làm việc Tòa án đã hòa giải động viên và vì con chung nên bà

T đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng tiếp tục chung sống nuôi dạy con cái. Nhưng từ đó đến nay cuộc sống chung vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc và không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nguyện vọng của bà T là xin được ly hôn với ông Lê Khắc S.

Về con chung: Bà T và ông S có 03 con chung là Lê Thị Ánh X, sinh ngày 19/5/2003; Lê Khắc Đại H, sinh ngày 10/8/2005 và Lê Khắc Đại T1, sinh ngày 27/01/2013. Bà T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Lê Khắc Đại T1, sinh ngày 27/01/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Lê Thị Ánh X, sinh ngày 19/5/2003 và Lê Khắc Đại H, sinh ngày 10/8/2005 đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Khắc S trình bày:

Ông S xác nhận về thời gian chung sống, về con chung như bà T trình bày là hoàn toàn đúng. Tuy nhiên theo ông S nguyên nhân mâu thuẫn chính một phần là do kinh tế vợ chồng không thống nhất và do bà T có nghi ngờ ghen tuông ông S với người phụ nữ khác, bà T cũng có quan hệ thân thiết với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Ngày 20/02/2023 bà T đã làm đơn ly hôn tại Tòa án, quá trình giải quyết Tòa án đã hòa giải nên bà T đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng tiếp tục về chung sống với nhau. Nay bà T tiếp tục làm đơn ly hôn thì ông S không đồng ý ly hôn, bản thân ông S còn yêu thương vợ con nên mong bà T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 06/2024/HNGĐ-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị T được ly hôn với ông Lê Khắc S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Khắc Đại T1, sinh ngày 27/01/2013 cho bà Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ngô Thị T và ông Lê Khắc S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đối với con chung là Lê Thị Ánh X, sinh ngày 19/5/2003 và Lê Khắc Đại H, sinh ngày 10/8/2005 đều đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ông Lê Khắc S được quyền đi lại thăm nom con chung, bà Ngô Thị T không được quyền cản trở, tuy nhiên ông S không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc và nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị T và ông Lê Khắc S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001124, ngày 03/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 15/3/2024, bị đơn ông Lê Khắc S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm: Ông S không đồng ý ly hôn với bà T và mong muốn được đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị T giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn ông Lê Khắc S giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự – Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Khắc S; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 06/2024/HNGĐ-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 29/02/2024, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm vắng mặt ông S. Ngày 12/3/2024 ông S nhận được bản án sơ thẩm. Ngày 15/3/2024, ông S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của ông S là trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Khắc S về việc không đồng ý ly hôn với bà Ngô Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Ngô Thị T và ông Lê Khắc S đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, việc kết hôn dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông S mong muốn được đoàn tụ để tạo dựng cuộc sống gia đình và cùng nhau nuôi dạy con cái, tuy nhiên mâu thuẫn đã kéo dài từ lâu và hai bên vẫn không hòa giải được với nhau, phía bà T xác định không còn tình cảm với ông S nên việc ông S muốn đoàn tụ không được bà T chấp nhận.

Tháng 02/2023, bà T đã làm đơn xin ly hôn, qua hòa giải bà T đã tự nguyện rút đơn để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nhưng cuộc sống hôn nhân không tiến triển. Tòa án cấp sơ thẩm đã tạo điều kiện để bà T và ông S hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Qua xác minh tại nơi cư trú thì bà T và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ban tự quản tổ dân phố đã gặp mặt hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của ông bà như hiện nay cũng không có hạnh phúc và không còn đạt được mục đích hôn nhân. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T xin được ly hôn với ông S và giao con chung là cháu Lê Khắc Đại T1, sinh ngày 27/01/2013 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo yêu cầu xin đoàn tụ của ông S, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do ông S không muốn ly hôn nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề khác như tiền cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung, bà T và ông S có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu phân chia tài sản chung và giải quyết nợ chung nếu có trong một vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Khắc S phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Khắc S.

- Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 06/2024/HNGĐ-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị T được ly hôn với ông Lê Khắc S.

[2.2] Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Khắc Đại T1, sinh ngày 27/01/2013 cho bà Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ngô Thị T và ông Lê Khắc S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đối với con chung là Lê Thị Ánh X, sinh ngày 19/5/2003 và Lê Khắc Đại H, sinh ngày 10/8/2005 đều đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ông Lê Khắc S được quyền đi lại thăm nom con chung, bà Ngô Thị T không được quyền cản trở, tuy nhiên ông S không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung sau khi ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị T và ông Lê Khắc S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm: Bà Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001124, ngày 03/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Ông Lê Khắc S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000252, ngày 22/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND thị trấn E, huyện E (GCNKH số 81, ngày 31/12/2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng